

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 01-02-2018  
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH HÀ GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lâm Anh L.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Lý Đức P.**

2. Bà **Trần Thị H.**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Việt C** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Hồng Q** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị N** – Sinh năm: 1975.

Nghề nghiệp: Giáo viên; Dân tộc: Kinh.

Địa chỉ: Tổ 04, thị trấn B, huyện A, tỉnh Hà Giang.

Hôm nay có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Lý Văn C** – Sinh năm: 1974.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Dao.

Địa chỉ: Tổ 04, thị trấn B, huyện A, tỉnh Hà Giang.

Hôm nay vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ 02 lần).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 26-7-2017 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là chị **Phạm Thị N** trình bày: Chị N và anh C trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 02 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, chị N và anh C chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2013, thì chị N và anh C phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh C mắc tệ nạn xã hội. Chị và anh C đã sống ly thân với nhau từ tháng 7-2017 cho đến nay. Chị N xét thấy tình

cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn với anh C để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị N và anh C có một con chung:

- Cháu Lý Diệu L – Sinh ngày: 07/11/1998.

- Cháu Lý Hải N – Sinh ngày: 12/11/2004.

Hiện tại, cháu L đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu N đang ở với chị N. Chị N có quan điểm sau khi ly hôn sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi cháu N.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ đối với anh Lý Văn C nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa án để làm việc. Ngày 25-10-2017, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương đối với Phó trưởng Công an thị trấn B, huyện A, tỉnh Hà Giang và ngày 02-01-2018, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương đối với Tổ trưởng tổ 04, thị trấn B, huyện A, tỉnh Hà Giang. Qua xác minh cho thấy, anh Lý Văn C hiện tại vẫn chưa làm thủ tục cắt, chuyển khẩu đi nơi khác, anh C vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương và về nhà riêng của anh C, chị N sinh sống. Mâu thuẫn gia đình chị N và anh C là do anh C lười lao động, không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được vì anh C vắng mặt (Đã được triệu tập, niêm yết hợp lệ 02 lần). Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với anh C vì mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phần con chung: Chị Phạm Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu không đề nghị Tòa án giải quyết đối với cháu Lý Diệu L vì cháu L đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có đề nghị Tòa án giao cháu Lý Hải N cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu N. Về tài sản chung và công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Lý Văn C vắng mặt không có lý do (Đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ 02 lần). Chủ tọa công bố các tài liệu có trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Việc chấp hành pháp luật của bị

đơn kê từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã vi phạm các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81; Khoản 1, khoản 3 Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con của chị Phạm Thị N và anh Lý Văn C.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Phạm Thị N và anh Lý Văn C ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Lý Hải N – Sinh ngày: 12/11/2004 cho chị Phạm Thị N – Địa chỉ: Tổ 04, thị trấn B, huyện A, tỉnh Hà Giang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Lý Hải N trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 01-02-2018. Anh Lý Văn C không phải cấp dưỡng nuôi cháu N và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Cháu Lý Diệu L – Sinh ngày: 07/11/1998 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên không xem xét.

4. Về tài sản, công nợ: Chị N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về tố tụng dân sự:** Chị Phạm Thị N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện A giải quyết việc hôn nhân của chị N và anh C. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Phạm Thị N và anh Lý Văn C xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 06-02-1998 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều quan điểm bất đồng, trái ngược nhau trong công việc làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh C lười lao động, không chịu làm ăn, không quan tâm chăm lo đến gia đình và mắc vào tệ nạn xã hội. Chị N và anh C đã sống ly thân với nhau từ tháng 7-2017 cho đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N có đơn xin ly hôn với anh C. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh C cuộc sống chung mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh C là phù hợp.

**[3] Về con chung:** Chị N có quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu Lý Hải N – Sinh ngày: 12/11/2004 cho chị N nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu N.

Tòa án xét thấy nguyện vọng của chị N là phù hợp, cháu N cũng có nguyện vọng xin được ở với chị N, để đảm bảo được cuộc sống và điều kiện ăn học cho cháu N cần phải giao cháu Lý Hải N cho chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Lý Hải N trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 01-02-2018.

Anh C không phải cấp dưỡng nuôi cháu N. Anh C có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Cháu Lý Diệu L – Sinh ngày: 07/11/1998 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

**[4] Về tài sản, công nợ:** Chị N và anh C không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

**[5] Về án phí:** Chị Phạm Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[6] Quyền kháng cáo:** Chị Phạm Thị N và anh Lý Văn C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81; Khoản 1, khoản 3 Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” của chị Phạm Thị N đối với anh Lý Văn C.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Phạm Thị N và anh Lý Văn C ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Lý Hải N – Sinh ngày: 12/11/2004 cho chị Phạm Thị N – Địa chỉ: Tổ 04, thị trấn B, huyện A, tỉnh Hà Giang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Lý Hải N trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 01-02-2018.

Anh Lý Văn C không phải cấp dưỡng nuôi cháu N và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ

theo biên lai số 01852 ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang (Chị N đã nộp đủ tiền án phí).

5. Quyền kháng cáo: Báo cho chị Phạm Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 01-02-2018).

Báo cho anh Lý Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- TAND tỉnh;
- UBND xã D, huyện H, tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Anh Luyện**

Bản án gốc được thông qua tại phòng xét xử cho các thành viên hội đồng xét xử nghe nhất trí đúng nội dung đã thảo luận và ký tên.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)